

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 296/2018/DS-PT

Ngày: 02/11/2018

V/v tranh chấp Hợp đồng dân sự
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Thanh Mỹ

Ông Nguyễn Ngọc Thông

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị P Hồng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Bùi Văn Thân - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Vào ngày 02 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 169/2018/TLPT-DS ngày 30 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp Hợp đồng dân sự vay tài sản

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2018/DS-ST ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 309/2018/QĐ-PT ngày 02 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1983

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện H, ĐồngTháp.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Lê Thị T là: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm: 1941, Địa chỉ: khóm 1, phường T, thị xã H, Đồng Tháp. (theo văn bản ủy quyền ngày 14/9/2017), (có mặt).

2. Bị đơn: Chị Văn Thị Th, sinh năm 1984

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện H, ĐồngTháp (có mặt).

3. Người kháng cáo: Chị Văn Thị Th là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn chị Lê Thị T ủy quyền cho ông Nguyễn Văn B trình bày:*

Vào ngày 25/5/2016 âm lịch, chị T có cho chị Th vay số tiền 70.000.000 đồng (không tính lãi), thời hạn trả là 15/3/2017, chị Th có làm biên nhận nợ với chị T, khi vay chị Th nói là vay về để nuôi heo. Đến khi chị Th bán hết heo chị Th không trả tiền cho chị T. Sau đó chị T yêu cầu chị Th trả tiền rất nhiều lần nhưng chị Th không trả. Chị T yêu cầu chồng chị Th là anh Nguyễn Văn P cùng liên đới trách nhiệm trả số nợ trên cho chị T. Trong quá trình Tòa án điều tra, thu thập chứng cứ thì anh P trình bày anh P không biết gì về việc chị Th vay tiền của chị T, và chị T cũng không xuất trình được chứng cứ chứng minh là chị Th vay tiền về để phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của gia đình, nên chị T xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với anh Nguyễn Văn P, chỉ yêu cầu một mình chị Th trả số tiền trên cho chị T.

Đối với lời trình bày của chị Th cho rằng chỉ nợ chị T 30.000.000 đồng và đó là tiền mua số đề, ngoài ra chị Th còn cho chị T mượn 10.000.000 đồng, chị T cho rằng lời trình bày của chị Th là không đúng, vì chị T không làm thầu số đề và cũng không mượn tiền của chị Th.

** Bị đơn chị Văn Thị Th trình bày:*

Trước đây chị T làm thầu bán số đề, nên từ ngày 20/10/2015 chị Th có mua số đề của chị T bán (thường là mua bao lô), khi mua đều trả tiền mặt. Thời gian sau do chỗ thân quen, nên sau khi mua chị Th trả tiền mặt một nửa, còn một nửa thì nợ lại. Nhiều lần như vậy chị T cộng sổ thì chị Th nợ chị T là 30.000.000 đồng. Đến ngày 25/5/2016 tại nhà chị T, sau khi tính lãi chị T đe dọa và ép buộc chị Th ký tên vào biên nhận nợ với số tiền là 70.000.000 đồng, trong đó 30.000.000 đồng gốc (nợ tiền mua số đề) và 40.000.000 đồng tiền lãi. Nay, chị Th không đồng ý với yêu cầu của chị T, chị Th chỉ thừa nhận nợ tiền mua số đề là 30.000.000 đồng và yêu cầu được trả dần mỗi tháng 300.000 đồng, còn phần tiền lãi 40.000.000 đồng chị T xin không trả.

Việc chơi số đề và nợ chị T tiền mua số đề nêu trên chị Th không cho chồng chị là anh Nguyễn Văn P biết, nên chị Th không yêu cầu anh P liên đới cùng với chị Th trả nợ cho chị T, chị Th đồng ý một mình chị Th trả nợ cho chị T.

Ngoài ra chị Th có cho chị T mượn 10.000.000 đồng, nhưng hiện nay chị Th không có chứng cứ chứng minh, nên không yêu cầu chị T trả.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2018/DS-ST ngày 19/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện H đã quyết định:

1. Đình chỉ xét xử phần yêu cầu đã rút của nguyên đơn Lê Thị T, về việc khởi kiện đối với bị đơn Nguyễn Văn P.

2. Chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị T, về việc đòi tiền cho vay đối với bị đơn Văn Thị Th.

3. Buộc bị đơn Văn Thị Th có nghĩa vụ trả nợ vay cho nguyên đơn Lê Thị T số tiền là 70.000.000 đồng (*Bảy mươi triệu đồng*) tại các biên nhận nợ ghi cùng ngày 25-5-2016, (một giấy viết tay, một giấy đánh máy), không tính lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, mà người phải thi hành án chưa thi hành số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành cho đến khi thi hành án xong.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn Văn Thị Th phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.500.000 đồng (*Ba triệu năm trăm ngàn đồng*).

- Hoàn trả lại cho nguyên đơn Lê Thị T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 2.125.000 đồng (*Hai triệu một trăm hai mươi lăm ngàn đồng*) đã nộp tại biên lai thu số: BN/2013 00912 ngày 10-4-2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

- Ngày 01/8/2018, chị Văn Thị Th kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 20/2018/DS-ST ngày 19/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Lê Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu chị Văn Thị Th trả cho chị T số tiền vay là 70.000.000 đồng.

+ Bị đơn chị Văn Thị Th vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, chị Th chỉ đồng ý trả cho chị T 30.000.000 đồng. Chị Th cho rằng số tiền chị ký biên nhận không phải là chị vay của chị T mà do chị T bán số đề chị Th nhiều lần, tổng số tiền là 30.000.000 đồng. Sau đó chị T và chồng chị T đe dọa chị nếu không ký vào sổ nợ thì sẽ báo cho chồng chị Th biết nên chị sợ phải ký tên vào biên nhận, do đó chị Th chỉ đồng ý trả cho chị T 30.000.000 đồng. Chị có cung cấp cùi phoi ghi số đề nhưng Công an huyện H cho rằng không bắt được số tiền mặt nên không khởi tố hình sự được và chuyển vụ án qua xử dân sự, thật sự chị Th thiếu tiền chị T là tiền số đề.

+ Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Chị Th thừa nhận có ký tên vào biên nhận ngày 25/5/2016, vay của chị T 70.000.000 đồng, chị Th cho rằng số tiền này là tiền mua số đề, nhưng chị Th không xuất trình được chứng cứ chứng minh. Đồng thời Công an huyện H đã có quyết định số 14 ngày 18/4/2018 không khởi tố vụ án hình sự đối với chị T. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của chị Th cho rằng chị T bán số đề cho chị Th, yêu cầu xử lý đối với hành vi bán số đề của chị T và yêu cầu giám định chữ viết của chị T tại các phôi số đề do chị Th cung cấp. Xét yêu cầu này của chị Th là không có căn cứ để chấp nhận. Bởi vì ở giai đoạn xét xử sơ thẩm, chị Th cũng đã làm đơn tố cáo chị T có hành vi bán số đề đến Công an huyện H, Công an huyện H đã xác minh theo đơn tố cáo của chị Th và tiến hành thu thập chứng cứ. Tuy nhiên, Công an huyện H xác định nội dung đơn tố cáo của chị Th không đủ căn cứ để khởi tố vụ án đối với Lê Thị T, nên Công an huyện H đã có Quyết định không khởi tố vụ án hình sự số 14 ngày 18/4/2018.

[2] Xét kháng cáo của chị Th chỉ đồng ý trả cho chị T 30.000.000 đồng là không có căn cứ. Bởi chị Th thừa nhận chị có ký tên vào biên nhận vay ngày 25/5/2016 âm lịch vay của chị T 70.000.000 đồng, chị Th cho rằng việc chị ký biên nhận do chị bị ép buộc và tiền chị thiếu chỉ có 30.000.000 đồng, còn 40.000.000 đồng là tiền lãi chị T tính cho chị và tiền này không phải là tiền vay mà là tiền chị Th mua số đề của chị T còn thiếu. Tuy nhiên, chị Th không có chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử buộc chị Th trả cho chị T 70.000.000 đồng là đúng theo quy định tại các Điều 463, 466 của Bộ Luật dân sự năm 2015.

[3] Xét đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị Th, giữ nguyên bản án sơ thẩm do chị Th không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh cho yêu cầu của chị. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh là có căn cứ nên chấp nhận.

Về án phí: Do yêu cầu của chị Th không được chấp nhận nên chị Th phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148, Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Văn Thị Th.
- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2018/DS-ST ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H.
- 1. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T đối với anh Nguyễn Văn P.
- 2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T đối với chị Văn Thị Th.
- 3. Buộc chị Văn Thị Th trả số tiền vốn vay cho chị Lê Thị T là 70.000.000 đồng (*Bảy mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, mà người phải thi hành án chưa thi hành số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành cho đến khi thi hành án xong.

4. Về án phí:

- Chị T không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho chị T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 2.125.000 đồng (*Hai triệu một trăm hai mươi lăm ngàn đồng*) đã nộp tại biên lai thu số: BN/2013 00912 ngày 10/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

- Chị Văn Thị Th phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 3.500.000 đồng (*Ba triệu năm trăm ngàn đồng*).

- Chị Văn Thị Th phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số 0003915 ngày 02/8/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. Chị Th không phải nộp thêm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh ĐT;
- Phòng KTNV - THA TA Tỉnh;
- VP TA Tỉnh;
- TAND huyện H;
- Chi Cục THA DS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ VA (H).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh